UBND XÃ THANH NƯA
TRƯỜNG MẦM NON THANH CHĂN

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Tổng số phòng**	12	Số m^2/trẻ em
II	**Loại phòng học**		-
1	Phòng học kiên cố	12	2,02m^2/ trẻ
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	**Số điểm trường**	2	-
IV	**Tổng diện tích đất toàn trường** (m^2)	4.519m^2	
V	**Tổng diện tích sân chơi** (m^2)	1.039m^2	3,55m^2/ trẻ
VI	**Tổng diện tích một số loại phòng**		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m^2)	590	2,02m^2/ trẻ
2	Diện tích phòng ngủ (m^2)	150	1,66m^2/ trẻ
3	Diện tích phòng vệ sinh (m^2)	140	0,47m^2/ trẻ
4	Diện tích hiên chơi (m^2)	162	0,55m^2/ trẻ
5	*Diện tích phòng giáo dục thể chất (m^2)*	128	0,43m^2/ trẻ
6	*Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m^2)*	60	0,37m^2/ trẻ
7	Diện tích nhà bếp và kho (m^2)	112	0,38m^2/ trẻ
VII	**Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	12	12 bộ/12 nhóm, lớp

2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	0
VIII	**Tổng số đồ chơi ngoài trời**	15	15/3 sân
IX	**Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)**		
1	**Máy tính**	10	
2	**Máy chiếu**	2	
3	**Ti vi**	1	
4	**camera**	1	

Thanh Nưa, ngày 25 tháng 9 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

U.B.N.D XÃ THANH NƯA TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG MẦM NON THANH CHĂN

Phan Thị Hoa